



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 3/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 3/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Bộc Nguyên
7. Địa chỉ: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	17.6	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.9	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	46.6	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.29	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.00	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 3. tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lí Bộc Nguyên*
6. Ngày nhận mẫu: *02/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *02/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.04	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.1	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	45.32	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.95	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 2 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

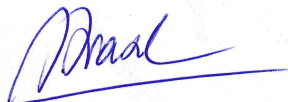
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Bộc Nguyên*
6. Ngày nhận mẫu: *03/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *03/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.9	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.99	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.32	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.88	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 3.. tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố- Trạm Bộc Nguyên*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Nhật Hùng, Số nhà 391, đường Hà Huy Tập*
 - *Mẫu 2: Nguyễn Thị Trí, số nhà 04, đường Nguyễn Đồng Chi*
 - *Mẫu 3: Hoàng Văn Nghi, số nhà 582, đường Trần Phú*
 - *Mẫu 4: Hoàng Thị Bích Hoàn, số nhà 12, ngõ 101, đường Hà Tông Chính*
- Ngày nhận mẫu: *2/12/2024*
- Ngày thử nghiệm: *2/12/2024 - 3/12/2024*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả				Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3	M4			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.27	1.59	0.98	1.9	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.19	7.14	7.18	7.15	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	48.95	48.73	47	50.33	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.67	0.67	0.68	0.66	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.003	0.004	0.003	0.005	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1	0.9	0.9	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.004	0.004	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 3. tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 3/12/2024.
2. Thời gian thử nghiệm: 3/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập Dâng Đá Hàn
7. Địa chỉ: xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	45.2	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.65	-
3	TSS		µm/s	42.69	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.78	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.159	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.6	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 4. tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố- Trạm Cẩm Xuyên*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Cẩm Xuyên*
6. Ngày nhận mẫu: *3/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *3/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.17	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.59	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	58.75	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.88	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.081	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 3 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố- Trạm Cẩm Xuyên*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Hoàng quang Hòa-TDP 10-Thị trấn Cẩm Xuyên*
 - *Mẫu 2: Phan Chính Quốc- TDP 13-Thị trấn Cẩm Xuyên*
 - *Mẫu 3: Lê Tiến Anh- cuối TDP 12- Thị trấn Cẩm Xuyên*
6. Ngày nhận mẫu: *3/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *3/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.1	0.26	0.2	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.59	6.33	6.42	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.0	52.72	44.6	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.99	0.9	0.96	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.4	1.1	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.003	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.027	0.026	0.013	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

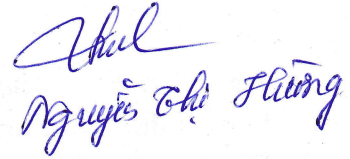
Hà Tĩnh, ngày 4 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 4/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 4/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hương Khê.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Tiêm
7. Địa chỉ: Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	8.67	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.16	-
3	TSS		µm/s	59.95	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.19	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.005	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.5	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Hương Khê*
6. Ngày nhận mẫu: *4/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *4/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.16	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.11	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	59.02	µm/s	-	
5	Clo tự do	1.0	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.12	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 4. tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Văn Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

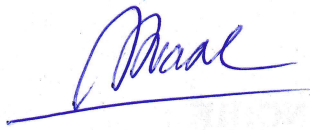
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - M1: , ông *Trần Quang Danh*, Số nhà *136*, đường *Trần Phú*
 - M2: *Chị Trần Thị Sen*, xóm *2*, xã *Phú Phong*
 - M3: ông *Nguyễn Trọng Khanh* Số nhà *173*, đường *Phan Đình Phùng*
6. Ngày nhận mẫu: *4/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *4/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.17	0.12	0.13	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.18	7.19	7.17	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	58.28	57.53	58.18	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.86	0.67	0.76	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.02	0	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.0	1.0	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.005	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Thắng

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 09/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 09/12/2024 đến 10/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Khe Dọc
7. Địa chỉ: phường Trung Lương, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.63	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.97	-
3	TSS		µm/s	29.31	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.45	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.008	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.045	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Khe Dọc*
6. Ngày nhận mẫu: *09/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *09/12/2021 – 10/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.29	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.89	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	40.87	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.63	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.040	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Huệ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Khe Dọc*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Đình Thề Tuyên, TDP Bán Xá, phường Trung Lương*
 - *Mẫu 2: Trần Thái Dũng, TDP Hâu Đền, phường Trung Lương*
6. Ngày nhận mẫu: *09/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *09/12/2024 – 10/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.15	0.14	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.86	6.83	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	36.70	35.65	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.36	0.2	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	0.6	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.043	0.04	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 9/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 9/12/2024 đến 10/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Thiên Tượng
7. Địa chỉ: phường Bắc Hồng, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	12.7	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.05	-
3	TSS		µm/s	29.79	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	1.17	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.05	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.005	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.012	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.00	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Thiên Tượng*
6. Ngày nhận mẫu: *09/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *09/12/2021 – 10/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.16	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.96	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	45.47	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.53	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.00	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Thiên Trượng*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Phạm Anh Tuấn, TDP7, phường Bắc Hồng, Hồng Lĩnh*
 - *Mẫu 2: Đặng Văn Nhâm, TDP2, phường Nam Hồng, Hồng Lĩnh*
- Ngày nhận mẫu: *09/12/2024*
- Ngày thử nghiệm: *09/12/2024– 10/12/2024*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.13	0.12	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.18	7.17	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	43.88	34.78	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.21	0.23	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.6	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.001	0.002	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 11/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 11/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Đá Bạc
7. Địa chỉ: xã Đâu Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

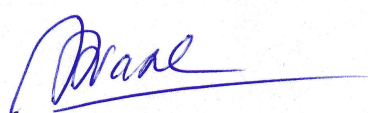
TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.04	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.9	-
3	TSS		µm/s	27.85	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.05	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.005	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.013	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.4	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Huệ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Đá Bạc*
6. Ngày nhận mẫu: *11/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *11/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.95	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.1	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	41.02	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.55	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.03	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.006	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Huệ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 17/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 17/12/2024 đến 18/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Kỳ Anh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Kim Sơn
7. Địa chỉ: xã Kỳ Hoà, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.82	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.88	-
3	TSS		µm/s	33.7	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.09	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.7	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.002	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.012	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0	-

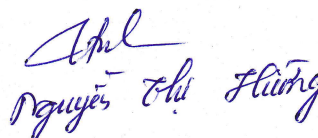
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

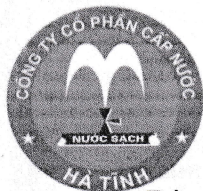
Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Kỳ Anh*
 - M1: *Bể chứa đơn nguyên 9000*
 - M2: *Bể chứa đơn nguyên 3000*
6. Ngày nhận mẫu: *17/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *17/12/2024-18/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.1	1.1	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.09	6.11	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	40.82	36.36	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.50	0.41	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.005	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

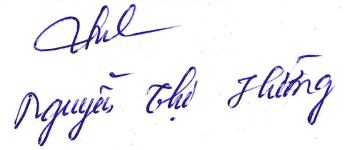
Hà Tĩnh, ngày 18. tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Hằng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - M1: *Võ Minh Châu, TK5-TDP Hưng Lợi, Hưng Trí*
 - M2: *Hoàng Duy Khánh, 396 Lê Đại Hành*
 - M3: *Trạm tăng áp Kỳ Trinh*
6. Ngày nhận mẫu: *17/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *17/12/2024- 18/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.08	1.04	2	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.24	6.28	6.2	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	35.66	36.1	35.53	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.47	0.47	0.29	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	0.03	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	0.9	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.003	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.004	0.001	0	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

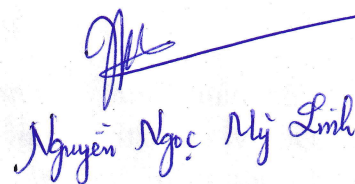
Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 18/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 18/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Khe Trúc
7. Địa chỉ: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.97	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.77	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	28.52	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.15	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.017	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.2	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Can Lộc*
6. Ngày nhận mẫu: *9/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *9/12/2024 – 10/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.21	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.99	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	32.97	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.6	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.006	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.011	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

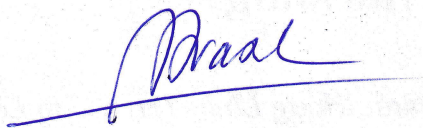
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Can Lộc*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Võ Vinh, Hạ Vàng*
 - *Mẫu 2: Võ Nhân Vĩnh, Sa Lạc, Thiên Lộc*
 - *Mẫu 3: Phan Ngọc Luận, TDP 9, thị trấn Nghèn*
6. Ngày nhận mẫu: *09/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *10/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.46	0.24	0.64	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.8	6.7	6.7	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	35.87	35.82	36.65	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.29	0.28	0.21	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.06	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	0.5	0.6	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.006	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.002	0.0	0.0	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

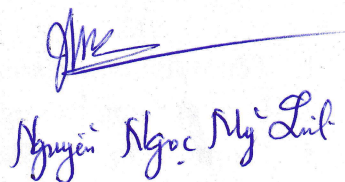
Hà Tĩnh, ngày 10. tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 12/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 12/12/2024 đến 13/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Xuân Hoa
7. Địa chỉ: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	22.2	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.06	-
3	TSS		µm/s	34.86	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.2	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.2	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.002	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.033	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

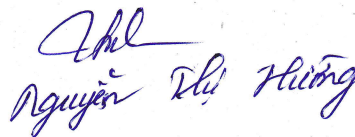
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 13. tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Nghi Xuân*
6. Ngày nhận mẫu: *12/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *12/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.94	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.86	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	32.09	$\mu\text{m/s}$	-	
5	Clo tự do	0.68	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 13. tháng 12. năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

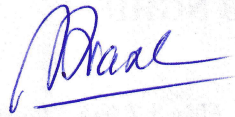
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Nghi Xuân*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Hải Yến, khu phố 2, thị trấn Tiên Điền*
 - *Mẫu 2: Phan Văn Dương, xóm Gia Phú, xã Xuân Viên.*
 - *Mẫu 3: Lê Công Trọng, khu phố 3, thị trấn Xuân An.*
6. Ngày nhận mẫu: *12/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *12/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.42	0.87	0.55	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.88	6.83	7.06	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	32.43	32.83	32.72	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.22	0.21	0.20	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	0.03	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.5	0.5	0.6	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.004	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.002	0.002	0.001	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

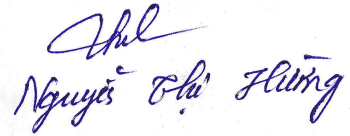
Hà Tĩnh, ngày 13. tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 19/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 19/12/2024 đến 20/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Đức Thọ
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông La
7. Địa chỉ: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	10.7	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.08	-
3	TSS		µm/s	44.49	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.37	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.8	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.039	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Đức Thọ*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Đức Thọ*
6. Ngày nhận mẫu: *19/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *19/12/2024 – 20/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.18	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.72	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	43.69	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.84	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.017	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Đức Thọ*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Trần Xuân Hùng, xóm 10, TT Đức Thọ.*
 - *Mẫu 2: Bùi Thị Ngọc Phúc, Xóm Châu Lĩnh, Xã Tùng Ảnh.*
 - *Mẫu 3: Nguyễn Ngọc Hiền, TDP 8, TT Đức Thọ.*
6. Ngày nhận mẫu: *19/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *19/12/2024 – 20/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.19	0.21	0.14	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.79	6.81	6.71	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	44.31	39.62	44.18	µm/s		
5	Clo tự do	0.33	0.20	0.55	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	0.7	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.005	0.006	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ -B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.009	0.01	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

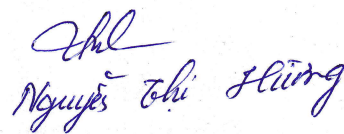
Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

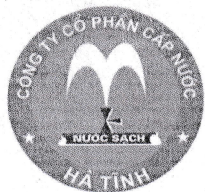
**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 24/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 24/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Phố
7. Địa chỉ: Thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	5.18	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.28	-
3	TSS		µm/s	41.94	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.18	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.013	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.3	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn- Trạm Phố Châu*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Nguyễn Trọng Thề, TDP4, Thị trấn Phố Châu*
 - *M2: Phan Duy Tuấn, TDP2, Thị trấn Phố Châu*
 - *M3: Nguyễn Thị Hương, TDP 12, Thị trấn Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *24/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *24/12/2024- 25/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.11	0.13	0.17	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.96	6.98	6.98	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	53.28	59.18	54.22	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.76	0.82	1.0	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.02	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	1.0	1.3	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.004	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.008	0.011	0.013	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

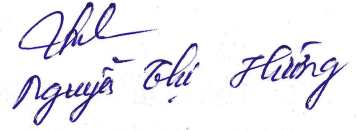
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *24/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *24/12/2024 -25/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.13	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.99	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	57.34	$\mu\text{m/s}$	-	
5	Clo tự do	1.0	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.009	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày *26*. tháng *12*. năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 24/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 24/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Sâu
7. Địa chỉ: Thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.7	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.21	-
3	TSS		µm/s	49.36	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.21	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- - B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.015	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Tây Sơn*
6. Ngày nhận mẫu: *24/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *24/12/2024 – 24/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.22	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.97	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	65.8	$\mu\text{m/s}$	-	
5	Clo tự do	0.96	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.013	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

17. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
18. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn- Trạm Tây Sơn*
19. Lượng mẫu: *2000ml*
20. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
21. Vị trí lấy mẫu:
- *M1: Nguyễn Thanh Nhân, KP7, Thị trấn Tây Sơn*
- *M2: Bến xe, KP3, Thị trấn Tây Sơn*
- *M3: Nguyễn Thị Tân, Thôn Hà Chua, Xã Sơn Tây*
22. Ngày nhận mẫu: *24/12/2024*
23. Ngày thử nghiệm: *24/12/2024- 25/12/2024*
24. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.19	0.25	0.2	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.12	7.12	7.22	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	62.34	54.21	59.37	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.46	0.87	0.82	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	0.05	0.04	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	1.0	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.003	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.001	0.005	0.003	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

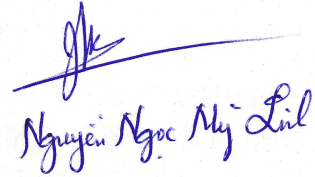
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

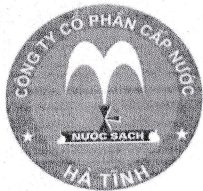
**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/12/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 25/12/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập dâng Ngàn Trươi
7. Địa chỉ: Thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.62	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.75	-
3	TSS		µm/s	23.10	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.15	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.024	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Vũ Quang*
6. Ngày nhận mẫu: *25/12/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *25/12/2024 – 26/12/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.67	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.81	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	41.95	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.91	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.09	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.2	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.015	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

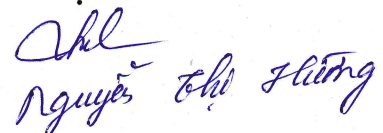
*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *26* tháng *12* năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

9. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
10. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn- Trạm Vũ Quang*
11. Lượng mẫu: *2000ml*
12. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
13. Vị trí lấy mẫu:
- *M1: Trung tâm y tế huyện Vũ Quang, Khối 5, Thị trấn Vũ Quang*
- *M2: Phan Quốc Phúc, Khối 3, Thị trấn Vũ Quang*
- *M3: Trương Vy Quý, Khối 4, Thị trấn Vũ Quang*
14. Ngày nhận mẫu: *25/12/2024*
15. Ngày thử nghiệm: *25/12/2024- 26/12/2024*
16. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.18	0.28	0.24	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.74	6.72	6.55	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	46.13	47.55	45.44	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.79	0.89	0.77	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.09	0.06	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.2	1.1	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.004	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.012	0.007	0.009	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 12 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Pras

Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN

Phu
Nguyễn Thị Hương